

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Quy định đối tượng, nội dung và mức chi thực hiện chế độ
đối với cán bộ tỉnh Sóc Trăng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA... KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số ../TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện chế độ,
chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra
của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chung.

Điều 2. Quy định đối tượng, nội dung và mức chi thực hiện chế độ đối với
cán bộ tỉnh Sóc Trăng từ nguồn ngân sách địa phương.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân
tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh
giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khóa Kỳ
họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01
tháng 01 năm 2024./.

Nơi nhận:

- VPQH, VPCP;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- TT, TU, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- HĐND, UBND các H, TX, TP;
- TT Tích hợp DL và chuyển đổi số tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

Đối tượng, nội dung và mức chi thực hiện chế độ đối với cán bộ tỉnh sóc trăng

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số.../2024/NQ-HĐND ngày... tháng... năm
2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này Quy định đối tượng, nội dung và mức chi thực hiện chế độ đối với cán bộ tỉnh sóc trăng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (đương chức và hưu trí).

2. Trưởng, phó các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; trưởng, phó các cơ quan trung ương, ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và các chức danh tương đương ở cấp tỉnh (đương chức và hưu trí). Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các chức danh tương đương ở cấp huyện (đương chức và hưu trí).

3. Cán bộ lão thành cách mạng; Cán bộ tiền khởi nghĩa; Bà Mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động; Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân; Người có công với nước; nhân sĩ, trí thức yêu nước; Cán bộ có huy hiệu 40 năm tuổi Đảng trở lên ...

4. Các tổ chức tôn giáo; các vị chức sắc, chức việc tôn giáo tiêu biểu.

Chương II NỘI DUNG CHI CHO CÔNG TÁC XÃ HỘI

Điều 3. Chế độ thăm hỏi, trợ cấp dịp Tết cổ truyền của dân tộc đối với các tổ chức, cá nhân và gia đình

Vào các dịp Tết, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập đoàn thăm hỏi tặng quà các đối tượng chính sách (chỉ áp dụng đối với các đồng chí hưu trí), cụ thể như sau:

1. Đối với tổ chức

Thực hiện thăm hỏi tặng quà các tổ chức thực hiện nhiệm vụ trực chuyên môn trong dịp Tết Nguyên đán, mức chi như sau:

- Quà: 1.000.000 đồng/suất;
- Trợ cấp: 10.000.000 đồng/suất.

2. Đối với cá nhân hoặc gia đình

Thực hiện thăm hỏi tặng quà các cán bộ nguyên chức hoặc gia đình dịp Tết Nguyên đán, mức chi như sau:

2.1. Các đồng chí Nguyên Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh:

- Quà: 1.000.000 đồng/suất;
- Trợ cấp: 8.000.000 đồng/suất.

2.2. Các đồng chí Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Quà: 1.000.000 đồng/suất;
- Trợ cấp: 5.000.000 đồng/suất.

2.3. Các đồng chí Nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Phó Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội Chuyên trách tỉnh:

- Quà: 1.000.000 đồng/suất;
- Trợ cấp: 3.000.000 đồng/suất.

2.4. Các đồng chí Nguyên là trưởng, phó các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; trưởng, phó các cơ quan trung ương, ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và các chức danh tương đương ở cấp tỉnh. Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các chức danh tương đương ở cấp huyện:

- Quà: 1.000.000 đồng/suất;
- Trợ cấp: 2.000.000 đồng/suất.

2.5. Cán bộ lão thành cách mạng; Cán bộ tiền khởi nghĩa; Bà Mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động; Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân; Người có công với nước; nhân sĩ, trí thức yêu nước; Cán bộ có huy hiệu 40 năm tuổi Đảng trở lên ...

- Quà: 1.000.000 đồng/suất;
- Trợ cấp: 1.000.000 đồng/suất.

2.6. Các vị chức sắc, chức việc tôn giáo tiêu biểu:

- Quà: 1.000.000 đồng/suất;
- Trợ cấp: 1.000.000 đồng/suất.

3. Chế độ thăm hỏi

3.1. Trợ cấp các đồng chí (đương chức và hưu trí) khi ốm đau, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và trường hợp bệnh hiểm nghèo, mức chi như sau:

- Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy: 5.000.000 đồng/người.
- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh: 4.000.000 đồng/người.
- Trưởng, phó các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; trưởng, phó các cơ quan trung ương, ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và các chức danh tương đương ở cấp tỉnh. Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các chức danh tương đương ở cấp huyện: 3.000.000 đồng/người.

- Cán bộ lão thành cách mạng; Cán bộ tiền khởi nghĩa; Bà Mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động; Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân; Người có công với nước; nhân sĩ, trí thức yêu nước; Cán bộ có huy hiệu 40 năm tuổi Đảng trở lên; các vị chức sắc, chức việc tôn giáo tiêu biểu ...: 2.000.000 đồng/người.

3.2. Trợ cấp các đồng chí (đương chức và hưu trí) khi ốm đau, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và trường hợp bệnh hiểm nghèo, mức chi do cấp thẩm quyền xem xét, quyết định đối với từng trường hợp cụ thể.

4. Chế độ phúng viếng

Thực hiện phúng viếng các đối tượng chính sách khi từ trần (đương chức và hưu trí), cụ thể như sau:

- Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy: mức chi 5.000.000 đồng/người và 1 vòng hoa hoặc băng viếng.

- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh: mức chi 3.000.000 đồng/người và 1 vòng hoa hoặc băng viếng.

- Trưởng, phó các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; trưởng, phó các cơ quan trung ương, ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và các chức danh tương đương ở cấp tỉnh. Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các chức danh tương đương ở cấp huyện: mức chi 2.000.000 đồng/người và 1 vòng hoa hoặc băng viếng.

- Cán bộ lão thành cách mạng; Cán bộ tiền khởi nghĩa; Bà Mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động; Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân; Người có công với nước; nhân sĩ, trí thức yêu nước; Cán bộ có huy hiệu 40 năm tuổi Đảng trở lên, các vị chức sắc, chức việc tôn giáo tiêu biểu ...: mức chi 2.000.000 đồng/người và 1 vòng hoa hoặc băng viếng.

- Gia đình của các đồng chí cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (bố, mẹ đẻ; bố, mẹ vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng; con): mức chi 2.000.000 đồng/người và 1 vòng hoa hoặc băng viếng.

- Lãnh đạo từ cấp cục, vụ, viện, tương đương trở lên; các đồng chí là cán bộ chủ chốt của các tỉnh, thành phố lện cận (Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy cấp tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và gia đình của các đối tượng này: Tương đương với các chức danh của Tỉnh.

- Chi phí phát sinh phục vụ cho các Đoàn viếng lễ tang được thanh toán theo quy định tài chính hiện hành.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 4. Căn cứ vào các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành của nhà nước và nội dung, mức chi thực hiện chính sách cán bộ theo quy định này, UBND tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo, đảm bảo kinh phí tổ chức thực hiện.

Điều 5. Các huyện, thị xã, thành phố cụ thể hóa các chế độ trên nhưng không vượt quá 60% mức chi của cấp tỉnh cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương./.